

Số: 1295/QĐ-UBND

An Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính
lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 726/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang tại Tờ trình số 131/TTr-SNNPTNT ngày 10 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan trên cơ sở quy trình được ban hành kèm theo Quyết định này cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục kiểm soát TTHC - VPCP;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Hành chính công;
- Website tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT
TRIỂN NÔNG THÔN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 15/6/2021 của
Chủ tịch UBND tỉnh An Giang)*

1. Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	
	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	Ngày BH	

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			

Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng các Chi cục: Kiểm lâm, Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y, Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Lãnh đạo Các Chi cục: Kiểm lâm, Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y, Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU: không

1. MỤC ĐÍCH

Quy định trình tự thủ tục Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

Công chức, viên chức, người lao động thuộc Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Thủy sản, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn An Giang.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- TTPVHCC: Trung tâm Phục vụ Hành chính công

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;
------------	--

	<p>Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;</p> <p>Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;</p> <p>Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;</p> <p>Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;</p> <p>Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp quy, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;</p> <p>Thông tư số 06/2020/TT-BKHHCN ngày 10/12/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 và Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01 /11 /2017 của Chính phủ.</p>		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: Không		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Bản công bố hợp quy	x	
	Hồ sơ đánh giá hợp quy	x	
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
5.5	Thời gian xử lý: 05 ngày (40 giờ) làm việc đối với hồ sơ hợp lệ		
5.6	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. - Nộp hồ sơ qua bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. - Nộp hồ sơ trực tuyến tại https://dichvucong.angiang.gov.vn/ hoặc https://dichvucong.gov.vn (nếu có) 		
5.7	Lệ phí: 150.000 đồng/giấy đăng ký		

5.8 Quy trình xử lý công việc:				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả
5.8.1	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP			
Bước 1	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại TTPVHCC tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định (5.3) và thu phí/lệ phí (nếu có)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)	04 giờ	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết TTHC
Bước 2	+ Xử lý, thẩm định hồ sơ + Trình lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy	Chuyên viên Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên - Chi cục Kiểm lâm	08 giờ	Thành phần hồ sơ như 5.3; Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy
Bước 3	Duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Chi cục xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên - Chi cục Kiểm lâm	08 giờ	Thành phần hồ sơ như 5.3; Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy
Bước 4	Lãnh đạo Chi cục xem xét phê duyệt trình Lãnh đạo Sở ký duyệt	Lãnh đạo các Chi cục Kiểm lâm	08 giờ	Thành phần hồ sơ như 5.3; Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt, chuyển Văn thư Sở quét ký số	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	08 giờ	Thành phần hồ sơ như 5.3; Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy
Bước 6	Văn thư quét ký số chuyển kết quả về cơ quan chuyên môn	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	04 giờ	Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy

Bước 7	Vào sổ theo dõi trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)	Không tính thời gian	Sổ theo dõi tiếp nhận và trả kết quả tại TTPVHCC
5.8.2	LĨNH VỰC THỦY SẢN			
Bước 1	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại TTPVHCC tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định (5.3) và thu phí/lệ phí (nếu có)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Thủy sản)	04 giờ	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết TTHC
Bước 2	+ Xử lý, thẩm định hồ sơ + Trình lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy	Chuyên viên P.NTTS - Chi cục Thủy sản	12 giờ	Thành phần hồ sơ như 5.3; Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy
Bước 3	Duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Chi cục xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Phòng NTTS - Chi cục Thủy sản	04 giờ	Thành phần hồ sơ như 5.3; Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy
Bước 4	Lãnh đạo Chi cục xem xét phê duyệt trình Lãnh đạo Sở ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	08 giờ	Thành phần hồ sơ như 5.3; Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt, chuyển Văn thư Sở quét ký số	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	08 giờ	Thành phần hồ sơ như 5.3; Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy

Bước 6	Văn thư quét ký số chuyên kết quả về cơ quan chuyên môn	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	04 giờ	Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy
Bước 7	Vào sổ theo dõi trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Thủy sản)	Không tính thời gian	Sổ theo dõi tiếp nhận và trả kết quả tại TTPVHCC
5.8.3	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT			
Bước 1	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại TTPVHCC tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định (5.3) và thu phí/lệ phí (nếu có)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)	04 giờ	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết TTHC
Bước 2	+ Xử lý, thẩm định hồ sơ + Trình lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy	Chuyên viên Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	12 giờ	Thành phần hồ sơ như 5.3; Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy
Bước 3	Duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Chi cục xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	04 giờ	Thành phần hồ sơ như 5.3; Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy
Bước 4	Lãnh đạo Chi cục xem xét phê duyệt trình Lãnh đạo Sở ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	08 giờ	Thành phần hồ sơ như 5.3; Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy

Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt, chuyển Văn thư Sở quét ký số	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	08 giờ	Thành phần hồ sơ như 5.3; Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy
Bước 6	Văn thư quét ký số chuyển kết quả về cơ quan chuyên môn	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	04 giờ	Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy
Bước 7	Vào sổ theo dõi trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)	Không tính thời gian	Sổ theo dõi tiếp nhận và trả kết quả tại TTPVHCC
5.8.4	LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y			
Bước 1	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại TTPVHCC tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định (5.3) và thu phí/lệ phí (nếu có)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Chăn nuôi và Thú y)	04 giờ	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết TTHC
Bước 2	+ Xử lý, thẩm định hồ sơ + Trình lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy	Chuyên viên Chi cục CCCN&TY	08 giờ	Thành phần hồ sơ như 5.3; Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy
Bước 3	Duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Chi cục xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Phòng QLDB, QG&KTCN Chi cục CCCN&TY	08 giờ	Thành phần hồ sơ như 5.3; Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy

Bước 4	Lãnh đạo Chi cục xem xét phê duyệt trình Lãnh đạo Sở ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục CCCN&TY	08 giờ	Thành phần hồ sơ như 5.3; Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy
Bước 5	Lãnh đạo Sở ký duyệt, chuyển Văn thư Sở quét ký số	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	08 giờ	Thành phần hồ sơ như 5.3; Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy
Bước 6	Văn thư quét ký số chuyển kết quả về cơ quan chuyên môn	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	04 giờ	Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy
Bước 7	Vào sổ theo dõi trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Chăn nuôi và Thú y)	Không tính thời gian	Sổ theo dõi tiếp nhận và trả kết quả tại TTPVHCC

6. BIỂU MẪU:

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1		Bản công bố hợp quy

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm:

TT	Hồ sơ lưu
1	Các thành phần hồ sơ (mục 5.3)
2	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy
3	Sổ theo dõi

Mẫu

Bản công bố hợp chuẩn/hợp quy

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP CHUẨN/HỢP QUY

Số

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

E-mail:

CÔNG BỐ:

Sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường (*tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật,...*)

Phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi*)
.....
.....

Thông tin bổ sung (*căn cứ công bố hợp chuẩn/hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...*):

- Loại hình đánh giá:

+ *Tổ chức chứng nhận đánh giá (bên thứ ba): Tên tổ chức chứng nhận /tổ chức chứng nhận được chỉ định, số giấy chứng nhận, ngày cấp giấy chứng nhận;*

+ *Tự đánh giá (bên thứ nhất): Ngày lãnh đạo tổ chức, cá nhân ký xác nhận Báo cáo tự đánh giá.*

.....(Tên tổ chức, cá nhân).... cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của
.... (sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường) do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

....., ngày ... tháng ... năm

Đại diện Tổ chức, cá nhân
(Ký, chức vụ, đóng dấu)

[1] Sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp quy, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

[2] Sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp quy, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Thông tư số 06/2020/TT-BKHHCN ngày 10/12/2020 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/ 5/2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 và Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ.

[3] Sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp quy, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.